

Đơn vị: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU  
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Đại học Bạc Liêu công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý I năm 2025 như sau:

*ĐVT: Triệu đồng*

| Số TT | Nội dung                                       | Dự toán năm | Ước thực hiện quý I/2025 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|------------------------------------------------|-------------|--------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| I     | 2                                              | 3           | 4                        | 5                                   | 6                                                            |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí    |             |                          |                                     |                                                              |
| I     | Số thu phí, lệ phí                             |             |                          |                                     |                                                              |
| 1     | Lệ phí                                         |             |                          |                                     |                                                              |
| 2     | Phí                                            |             |                          |                                     |                                                              |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại               |             |                          |                                     |                                                              |
| 1     | Chi sự nghiệp                                  |             |                          |                                     |                                                              |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |             |                          |                                     |                                                              |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |             |                          |                                     |                                                              |
| 2     | Chi quản lý hành chính                         |             |                          |                                     |                                                              |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |             |                          |                                     |                                                              |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |             |                          |                                     |                                                              |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước          |             |                          |                                     |                                                              |
| 1     | Lệ phí                                         |             |                          |                                     |                                                              |
| 2     | Phí                                            |             |                          |                                     |                                                              |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                 | 45.545      | 8.688                    | 19,1%                               | 128,3%                                                       |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                     | 45.545      | 8.688                    | 19,1%                               | 128,3%                                                       |
| 1     | Chi quản lý hành chính                         |             |                          |                                     |                                                              |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |             |                          |                                     |                                                              |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |             |                          |                                     |                                                              |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ            | 250         | 0                        | 0,0%                                | 0,0%                                                         |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ | 250         | 0                        | 0,0%                                | 0,0%                                                         |

| Số TT | Nội dung                                           | Dự toán năm   | Ước thực hiện quý I/2025 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|----------------------------------------------------|---------------|--------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |               |                          |                                     |                                                              |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |               |                          |                                     |                                                              |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            | 250           | 0                        | 0,0%                                | 0,0%                                                         |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |               |                          |                                     |                                                              |
| 2.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |               |                          |                                     |                                                              |
| 3     | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | <b>45.295</b> | <b>8.688</b>             | <b>19,2%</b>                        | <b>129,3%</b>                                                |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 26.337        | 8.688                    | 33,0%                               | 129,3%                                                       |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 18.958        | 0                        | 0,0%                                | 0,0%                                                         |

Bạc Liêu, ngày 14 tháng 04 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị *gvl*



\* Phan Văn Đàn